

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Vĩnh;

Ông Nguyễn Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 261/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lồng Cún C, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 6, ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương; tạm trú: lô A-2B-CN khu công nghiệp B, khu phố A, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: Anh Trương Văn N, sinh năm 1987; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 6, ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương; tạm trú: số nhà 48 khu nhà ở X, khu phố A, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 11 năm 2018 và trong quá trình hòa giải và xét xử tại phiên tòa nguyên đơn chị Lồng Cún C trình bày:

Chị Lồng Cún C và anh Trương Văn N chung sống từ năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Gia Xuân, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ ngày 26 tháng 6 năm 2009. Sau khi kết hôn, chị C và anh N về 6, ấp T, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương sinh sống. Sau một thời gian đầu hạnh

phúc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N thường xuyên uống rượu về gây sự, chửi bới đánh đập cho C. Đến tháng 12 năm 2018 thì vợ chồng ly thân đến nay.

Nay, chị C thấy không thể hàn gắn được, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu ly hôn anh N.

Về nuôi con chung: quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Trương Quang N, sinh ngày 15-12-2009 và Trương Ngọc H, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2015. Hiện cháu Trương Quang N đang sống với anh Trương Văn N, cháu Trương Ngọc H sống với chị Lồng Cún C. Sau khi ly hôn, chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Trương Ngọc H và anh N nuôi cháu Trương Quang N. Chị C và anh N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản, nợ chung: chị C không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trương Văn N trình bày: Anh N thống nhất với lời trình bày của chị C về về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung. Quá trình sống chung, đôi khi anh N có uống rượu về lỡ tay đánh chị C, nhưng hôm sau tỉnh rượu có xin lỗi chị C. Chị C và anh N vẫn chung sống đến cuối tháng 12 năm 2018 thì chị C dẫn hai con vào Công ty tại lô A-2B-CN khu công nghiệp B, khu phố A, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương sinh sống nên chị C và anh N ly thân cho đến nay.

Nay, trước yêu cầu xin ly hôn của chị C, anh N không đồng ý ly hôn vì còn thương chị C.

Nếu như Tòa xử cho vợ chồng anh N ly hôn thì anh Nhơn yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu chị C cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh N không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Lồng Cún C khởi kiện anh Trương Văn N về ly hôn, tranh chấp về nuôi con; anh N có nơi sinh sống tại khu phố A, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lồng Cún C và anh Trương Văn N chung sống từ năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Gia Xuân, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ ngày 26 tháng 6 năm 2009 nên được

pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị C trình bày nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh N thường xuyên uống rượu về gây gỗ, đánh chị C, anh N thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng, tuy nhiên anh N mong được đoàn tụ vì còn thương vợ, không muốn con thiếu tình thương của cha, mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy anh N có hành vi đánh chị C và hiện chị C và anh N không còn sống chung từ tháng 8 năm 2018, vợ chồng chị C, anh N không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho chị C ly hôn với anh N là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị C và anh N có hai con chung là cháu Trương Quang N, sinh ngày 15-12-2009 và cháu Trương Ngọc H, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2015. Hiện nay chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Trương Ngọc H và anh N nuôi cháu Trương Quang N. Xét hiện nay cháu Trương Ngọc H đang ở với chị C, cháu Trương Quang N đang ở với anh N nên yêu cầu của chị là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Do chị C nuôi cháu Trương Ngọc H và anh N nuôi cháu Trương Quang N, các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh N, chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Chị C và anh N không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lồng Cún C đối với anh Trương Văn N về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lồng Cún C và anh Trương Văn N.

- Về nuôi con chung: Chị Lồng Cún C được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Ngọc H, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2015. Anh Trương Văn N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Trương Quang N, sinh ngày 15-12-2009. Anh N và chị Lồng Cún C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương Văn N và chị Lồng Cún C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh N, chị C lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh N, chị C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N, chị C.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con. Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lồng Cún C và anh Trương Văn N không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Chị Lồng Cún C phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0020732 ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Bàu Bàng;
- UBND phường Gia Xuân, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ;
- Đương sự;
- Công Thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng

